TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 19/8/2017

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
1	Phạm Thị	Ánh	CNTT01	10/02/1996	Hiệp Hoà - Bắc Giang	7,2	7,0	Đạt	
2	Phan Quang	Bằng	CNTT02	29/02/1996	Liên Khê - Khoái Châu - Hưng Yên	7,7	5,0	Đạt	
3	Nguyễn Thị	Bình	CNTT03	12/3/1997	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7,7	8,0	Đạt	
4	Nguyễn Văn	Bình	CNTT04	19/4/1995	Thái Sơn - Hiệp Hoà - Bắc Giang	9,2	9,5	Đạt	
5	Nguyễn Văn	Cảnh	CNTT05	07/7/1996	Ninh Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	9,2	9,5	Đạt	
6	Nguyễn Thị Vĩ	Cầm	CNTT06	28/01/1996	Tân Yên - Bắc Giang	7,2	5,5	Đạt	
7	Nguyễn Văn	Chiến	CNTT07	22/6/1996	An Dương - Tân Yên - Bắc Giang	8,2	5,0	Đạt	
8	Nguyễn Văn	Cừ	CNTT08	03/3/1996	Đông Cuông - Văn Yên - Yên Bái	8,0	5,5	Đạt	
9	Vi Văn	Cương	CNTT09	08/4/1989	Thanh Sơn - Sơn Động - Bắc Giang	6,2	5,5	Đạt	
10	Nguyễn Đình	Cường	CNTT10	13/9/1995	Tây Cốc - Đoan Hùng - Phú Thọ	8,7	5,5	Đạt	
11	Bùi Văn	Duy	CNTT11	06/6/1996	Việt Đoàn - Tiên Du - Bắc Ninh	7,2	6,5	Đạt	
12	Cáp Thị Thuỳ	Duyên	CNTT12	10/5/1995	Đồng Mỏ - Chi Lăng - Lạng Sơn	7,2	5,5	Đạt	
13	Lô Kim	Duyên	CNTT13	03/7/1993	Lê Lai - Thạch An - Cao bằng	8,0	7,0	Đạt	
14	Nguyễn Tiến	Đạt	CNTT14	14/7/1996	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	8,5	5,0	Đạt	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
15	Nguyễn Hải	Đăng	CNTT15	14/8/1993	Quang Tiến - Tân Yên - Bắc Giang	9,0	7,0	Đạt	
16	Hoàng Văn	Đông	CNTT16	09/12/1988	TT.Đồng Mỏ - Chi Lăng - Lạng Sơn	9,2	9,5	Đạt	
17	Nguyễn Thị	Hải	CNTT17	10/11/1996	Hưng Thái - Ninh Giang - Hải Dương	8,5	4,0	Không đạt	
18	Trần Hồng	Hải	CNTT18	05/11/1975	Lương Sơn - Hoà Bình	6,5	7,0	Đạt	
19	Nguyễn Thị	Hảo	CNTT19	08/11/1998	Tân Yên - Bắc Giang	5,7	5,0	Đạt	
20	Nguyễn Thị Linh	Hiệp	CNTT20	03/5/1998	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,7	3,5	Không đạt	
21	Nguyễn Văn	Hoàng	CNTT21	22/02/1997	Yên Dũng - Bắc Giang	6,7	5,5	Đạt	
22	Nguyễn Thị	Hội	CNTT22	19/7/1993	Khạm Lạng - Lục Nam - Bắc Giang	5,0	5,0	Đạt	
23	Phạm Thu	Hồng	CNTT23	10/9/1996	Minh Sơn - Hữu Lũng - Lạng Sơn	9,7	8,0	Đạt	
24	Đào Thị	Huế	CNTT24	07/01/1995	Mộ Đạo - Quế Võ - Bắc Ninh	8,2	6,0	Đạt	
25	Đặng Thị Mại	Huệ	CNTT25	13/9/1998	Tân Yên - Bắc Giang	9,7	9,5	Đạt	
26	Giáp Thị	Huệ	CNTT26	03/12/1998	Tân Yên - Bắc Giang	9,2	8,5	Đạt	
27	Trần Thanh	Huệ	CNTT27	15/11/1996	TT.Thảo Nguyên - Mộc Châu - Sơn La	8,0	8,0	Đạt	
28	Trịnh Thị	Huệ	CNTT28	07/12/1997	Nga Sơn - Thanh Hoá	9,5	7,0	Đạt	
29	Nguyễn Văn	Hùng	CNTT29	03/10/1996	Quế Võ - Bắc Ninh	9,7	8,0	Đạt	
30	Hà Văn	Huy	CNTT30	01/10/1995	Đình Lập - Lạng Sơn	7,2	5,5	Đạt	
31	Ngô Văn	Hướng	CNTT31	02/11/1967	Châu Minh - Hiệp Hoà - Bắc Giang	6,5	5,5	Đạt	
32	Nguyễn Thị	Hướng	CNTT32	08/11/1980	Tiên Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	7,5	Đạt	
33	Nguyễn Thị	Khanh	CNTT33	22/9/1985	Thanh Sơn - Sơn Động - Bắc Giang	5,5	5,0	Đạt	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
34	Hoàng Văn	Khánh	CNTT34	04/9/1991	Thanh Sơn - Sơn Động - Bắc Giang	6,2	7,5	Đạt	
35	Lê Duy	Khánh	CNTT35	05/11/1998	Lãng Sơn - Yên Dũng - Bắc Giang	8,2	6,5	Đạt	
36	Nguyễn Đăng	Kiên	CNTT36	13/10/1995	Lạng Giang - Bắc Giang	9,0	5,0	Đạt	
37	Phàn Tiến	Kiên	CNTT37	19/10/1996	Tân Lập - Bắc Quang - Hà Giang	8,0	5,0	Đạt	
38	Hoàng Đức	Lâm	CNTT38	10/7/1996	Tân Quang - Lục Ngạn - Bắc Giang	6,2	5,0	Đạt	
39	Nguyễn Thị	Loan	CNTT39	30/9/1995	Tân Yên - Bắc Giang	9,5	2,5	Không đạt	
40	Đặng Hoàng	Long	CNTT40	17/10/1996	Yên Dũng - Bắc Giang	6,7	7,0	Đạt	
41	Trịnh Xuân	Long	CNTT41	25/01/1996	Phù Đổng - Gia Lâm - Hà Nội	4,2	-	Không đạt	Bỏ thi TH
42	Thào Seo	Lử	CNTT42	18/10/1993	Thuận Hoà - Vị Xuyên - Hà Giang	7,7	5,0	Đạt	
43	Hoàng Thị	Mai	CNTT43	10/7/1997	Tân Mỹ - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	8,0	7,0	Đạt	
44	Đào Thị Trà	Mi	CNTT44	26/02/1995	Mạo Khê - Đông Triều - Quảng Ninh	8,2	7,0	Đạt	
45	Lương Thuý	Minh	CNTT45	16/11/1998	Phúc Hoà - Tân Yên - Bắc Giang	7,5	5,0	Đạt	
46	Trần Thị Trà	My	CNTT46	12/12/1996	Vạn An - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	8,5	7,5	Đạt	
47	Nguyễn Bá	Ngọc	CNTT47	14/01/1995	Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An	8,5	8,5	Đạt	
48	Lã Thị	Nguyện	CNTT48	10/01/1995	Phù Ngọc - Hà Quảng - Cao Bằng	7,7	8,0	Đạt	
49	Trần Thị Minh	Nguyệt	CNTT49	14/9/1998	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7,7	7,0	Đạt	
50	Vi Thị Thanh	Nhàn	CNTT50	25/8/1998	Tam Dị - Lục Nam - Bắc Giang	6,7	5,5	Đạt	
51	Trần Thị Phương	Nhung	CNTT51	28/9/1992	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	7,0	Đạt	
52	Chu Bá	Phú	CNTT52	23/3/1975	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	6,2	8,0	Đạt	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
53	Đỗ Thị Kim	Phụng	CNTT53	16/6/1997	Yên Thế - Bắc Giang	7,0	2,5	Không đạt	
54	Nông Thị Xuân	Phương	CNTT54	07/5/1995	Hoà Bình - Chi Lăng - Lạng Sơn	6,7	5,5	Đạt	
55	Thân Đăng	Phương	CNTT55	02/01/1975	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	5,0	5,5	Đạt	
56	Lù Thị	Pó	CNTT56	04/6/1995	Quản Bạ - Hà Giang	8,0	6,0	Đạt	
57	Nguyễn Văn	Quang	CNTT57	02/9/1992	Đông Hưng - Lục Nam - Bắc Giang	7,7	6,0	Đạt	
58	Nguyễn Xuân	Quang	CNTT58	10/10/1969	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	6,2	7,0	Đạt	
59	Nguyễn Văn	Quyền	CNTT59	19/8/1996	Hùng Sơn - Hiệp Hoà - Bắc Giang	7,2	5,5	Đạt	
60	Nguyễn Văn	Quyết	CNTT60	14/10/1996	Tân Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	9,0	3,5	Không đạt	
61	Thào A	Sênh	CNTT61	03/7/1992	Pá Hu - Trạm Tấu - Yên Bái	7,2	6,0	Đạt	
62	Vừ Mí	Sính	CNTT62	10/7/1994	Xín Cái - Mèo Vạc - Hà Giang	7,7	6,0	Đạt	
63	Chu Tiến	Sơn	CNTT63	04/9/1997	Phú Xuyên - Hà Nội	9,5	5,0	Đạt	
64	Nguyễn Văn	Thành	CNTT64	27/8/1979	Thanh Sơn - Sơn Động - Bắc Giang	6,2	6,0	Đạt	
65	Phạm Thị	Thảo	CNTT65	20/01/1998	Thanh Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,0	7,0	Đạt	
66	Triệu Thu	Thảo	CNTT66	17/4/1996	Tân Lập - Bắc Quang - Hà Giang	9,0	5,5	Đạt	
67	Vũ Hữu	Thiệu	CNTT67	16/4/1997	Phúc Thọ - Hà Nội	5,5	6,0	Đạt	
68	Nguyễn Văn	Thịnh	CNTT68	21/01/1965	Đức Giang - Yên Dũng - Bắc Giang	5,2	5,5	Đạt	
69	Nguyễn Thị	Thơm	CNTT69	16/8/1991	Nam Sách - Hải Dương	7,7	7,0	Đạt	
70	Vũ Thị	Thu	CNTT70	22/8/1997	TP.Bắc Giang - Bắc Giang	8,2	5,5	Đạt	
71	Nông Thị Thương	Thương	CNTT71	25/10/1993	Sông Hiến - TP.Cao Bằng - Cao Bằng	7,0	6,5	Đạt	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
72	Nguyễn Văn	Tính	CNTT72	27/01/1996	Dĩnh Kế - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7,5	6,0	Đạt	
73	Lương Huyền	Trang	CNTT73	16/10/1996	Lục Yên - Yên Bái	6,5	1,5	Không đạt	
74	Lâm Quốc	Tú	CNTT74	12/3/1995	Minh Khai - Bình Gia - Lạng Sơn	7,7	8,0	Đạt	
75	Lê Công	Tuấn	CNTT75	02/7/1996	Đăkrla - Đăk mil - Đăk Nông	6,0	8,5	Đạt	
76	Nguyễn Đắc	Tuấn	CNTT76	03/10/1997	Hiệp Hoà - Bắc Giang	9,0	9,0	Đạt	
77	Trần Đình	Tùng	CNTT77	23/01/1997	Mộc Châu - Sơn La	5,5	6,0	Đạt	
78	Nguyễn Đức	Tuyên	CNTT78	18/3/1997	Tân Yên - Bắc Giang	6,0	5,5	Đạt	
79	Hoàng Tuấn	Vũ	CNTT79	05/01/1996	Đại Đồng - Tràng Định - Lạng Sơn	7,5	6,0	Đạt	
80	Hoàng Viết	Vũ	CNTT80	09/10/1995	Thanh Nhật - Hạ Lang - Cao Bằng	6,5	6,5	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: **80**

Số thí sinh dự thi: **80**

Số thí sinh đạt yêu cầu: 73 91,25%

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 7 8,75%

Bắc Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng thi

(Đã ký)

Ths. Đỗ Thị Huyền

Thư ký Hội đồng thi

(Đã ký)

Vũ Thị Hoài Thu